

## **Buổi 16**

### Sửa bài tập buổi 15

#### Sự kiện

Một số sự kiện thường dùng: click, dblclick, moveover, moveout, keyup, keydown, keypress (nhấn và giữ key), change

#### Jquery

Là thư viện được viết dựa trên javascript nhằm để viết code gọn và nhanh hơn

Ví dụ: `var a = $("#id1").val();` //lấy giá trị của thẻ có id là #id1 và gán vào biến a

#### Cách dùng

Import thư viện jquery vào phần head của html

```
<script src="lib/jquery/jquery-3.3.1.min.js"></script>
```

#### Selector (xác định đối tượng)

- Sử dụng 4 loại selector đã học để xác định đối tượng html:
  - Id selector
  - Class selector
  - Type (tag) selector
  - Combination selector
- Ví dụ:
  - `var o1 = $("#id1");`
  - `var o2 = $(".class1");`
  - `var o3 = $("input");`
  - `var o4 = $("form > input");`

#### Ready (đã tải xong trang html)

- Đối với javascript

```
window.onload = function() {  
    //Code here  
}
```

- Đối với jquery có 2 cách:
  - Cách 1:

```
$(document).ready(function() {
```

```
    //Code here  
});
```

o Cách 2:

```
$(function(){  
    // Code here  
});
```

### Cách dùng sự kiện(một số cách đơn giản thường dùng)

#### Viết trực tiếp trong thẻ (inline)

```
<input type="button" onclick="alert('hello world')" value="Alert"/>
```

#### Viết trong phần code của head (internal) hoặc trong file javascript (external)

```
$("#input[type=button]").click(function(){  
    // code here  
});
```

### Ẩn/hiện thẻ html

- Sử dụng hàm hide(), show()
- Ví dụ:
  - o `$("#div").hide();`
  - o `$("#div").show();`

### Truy xuất/cập nhật nội dung thẻ (chỉ dành cho thẻ có nội dung)

- Sử dụng hàm html()
- Ví dụ:
  - o `var noidung = $("#div").html();`//Lấy nội dung thẻ div
  - o `$("#div").html("nội dung here");`//Cập nhật nội dung cho thẻ div

### Truy xuất/cập nhật nội dung text thẻ (chỉ dành cho thẻ có nội dung)

- Sử dụng hàm text()
- Ví dụ:
  - o `var noidung = $("#div").text();`//Lấy nội dung thẻ div
  - o `$("#div").text("nội dung here");`//Cập nhật nội dung cho thẻ div

### Sử khác nhau giữa hàm html() và hàm text()

- `html()`: lấy luôn phần nội dung có chứa thẻ html
- `text()`: chỉ lấy phần nội dung, bỏ qua thẻ html

### Truy xuất/cập nhật giá trị của thẻ (chỉ dành cho thẻ có thuộc tính value)

- Sử dụng hàm val()
- Ví dụ
  - `var a = $("input").val();`//Lấy giá trị thẻ input
  - `$("input").val("value here");`//cập nhật giá trị cho thẻ input

### Chèn tại vị trí cuối của nội dung thẻ

- Sử dụng hàm append()
- Ví dụ
  - `$("p").append("abc");`

### Chèn tại vị trí bắt đầu của nội dung thẻ

- Sử dụng hàm prepend()
- Ví dụ
  - `$("p").prepend("abc");`

### Xóa phần tử

- Sử dụng hàm remove()
- Ví dụ
  - `$("p").remove();`

### Xóa nội dung

- Sử dụng hàm empty()
- Ví dụ
  - `$("p").empty();`

### Thao tác trên css

#### Thêm class vào phần tử

- Sử dụng hàm addClass()
- Ví dụ
  - `$("p").addClass("class1");`

#### Xóa class khỏi phần tử

- Sử dụng hàm removeClass()
- Ví dụ
  - `$("p").removeClass("class1");`

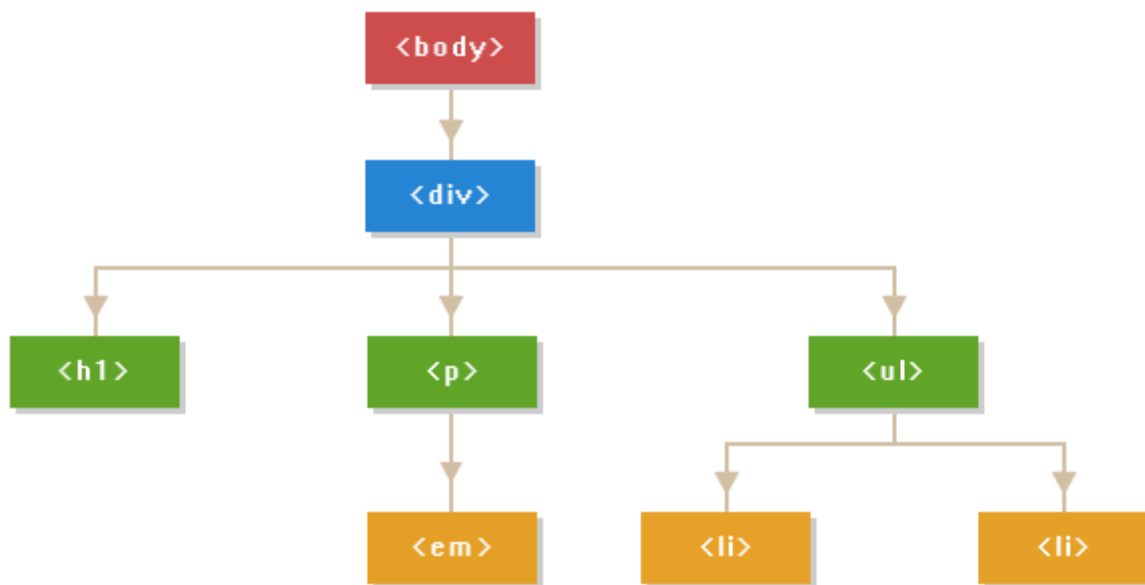
Chuyển đổi qua lại giữa thêm/xóa class

- Sử dụng hàm toggleClass()
- Ví dụ
  - `$("p").toggleClass("class1");`

Thay đổi css trực tiếp trên thẻ (style inline)

- Sử dụng hàm css()
- Ví dụ
  - `$("p").css("color","red");//Cập nhật`
  - `$("p").css("color");//Lấy giá trị của thuộc tính css color`
  - `$("p").css({"background-color": "blue", "color": "yellow"});//Có thể set cùng lúc nhiều thuộc tính css`

**Mối quan hệ giữa các phần tử**



Con (child): nằm trong cha (parent)

Cùng cha là anh em (sibling)

Cha (parent): chứa các con

Tổ tiên (ancestor): cha, ông của các thẻ

Hậu duệ (descendant): con, cháu, chắt

### Cha trực tiếp của phần tử

- Sử dụng hàm parent()
- Ví dụ
  - `$("p").parent();`

### Cha trực tiếp/gián tiếp của phần tử

- Sử dụng hàm parents()
- Ví dụ
  - `$("p").parents();`

### Con trực tiếp của phần tử

- Sử dụng hàm children()
- Ví dụ
  - `$("p").children();`

### Con trực tiếp/gián tiếp của phần tử

- Sử dụng hàm find()
- Ví dụ
  - `$("p").find("span");`

### Anh em của phần tử

- Sử dụng hàm siblings()
- Ví dụ
  - `$("p").siblings();`

### Anh em sau nó

- Sử dụng hàm next()
- Ví dụ
  - `$("p").next();`

### Tất cả các anh em sau nó

- Sử dụng hàm nextAll()
- Ví dụ
  - `$("p").nextAll();`

### Anh em trước nó

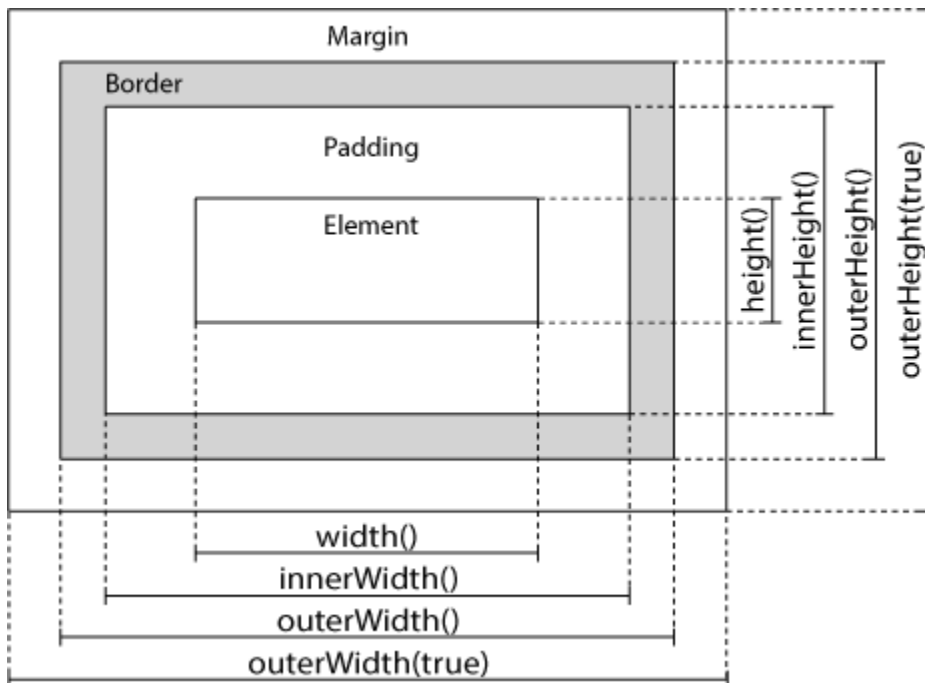
- Sử dụng hàm prev()

- Ví dụ
  - `$("p").prev();`

Tất cả các anh em sau nó

- Sử dụng hàm `prevAll()`
- Ví dụ
  - `$("p").prevAll();`

Truy xuất/cập nhật kích thước của phần tử (làm việc với box model)



thayloc.com